TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: /2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 20-09-2022.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thuý Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thanh Phước,

2. Bà Lâm Thị Hoàng Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Hải An, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Phương Thảo, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 09 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 1559/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 253/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 06 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 231/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 07 năm 2022, 240/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **LTT**, sinh năm 1983,

Địa chỉ: Đường DT7-5 Ấp 4 Tổ 23, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà **NTBN,** sinh năm 1987,

Địa chỉ: 214/52B Vạn Kiếp, Phường 3, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn ông LTT trình bày tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án như sau*:

Ông và bà NTBN tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường tân Chánh hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 20/04/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại 214/52B Vạn Kiếp, Phường 3, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến cuối năm 2016, vợ chồng ông sống ly thân và ông không còn chung sống với bà NTBN tại địa chỉ trên. Trong suốt thời gian ly thân, vợ chồng ông có gặp nhau trao đổi về vấn đề hôn nhân nhưng không thành nên vợ chồng ông chỉ có thể nói chuyện với nhau qua điện thoại về việc học của con. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên ông đề nghị ly hôn bà NTBN.

Về con chung: Có một con chung tên LNBN, sinh ngày 25/10/2008. Theo nguyện vọng của con và hiện con đang ở chung với mẹ, ông đề nghị giao con chung cho bà NTBN trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và ông cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) từ ngày 01 đến ngày 10 hàng tháng. Hai bên tự tiến hành giao nhận tiền cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Bị đơn bà NTBN:*

Bị đơn bà NTBN đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 05/05/2022, và ngày 13/05/2022 nhưng bà NTBN không đến làm việc và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà NTBN.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh:*

Nguyên đơn ông LTT khởi kiện yêu cầu ly hôn bà NTBN, trú tại quận Bình Thạnh, được Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thụ lý đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Các đương sự được nhận các văn bản tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông LTT ly hôn bà NTBN, giao con chung tên LNBN cho bà NTBN trực tiếp nuôi dưỡng và ông Tiến cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.000.000 đồng, giao nhận

từ ngày 01 đến ngày 10 hàng tháng, hai bên tự tiến hành giao nhận tiền cấp dưỡng, ông LTT phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Xét ông LTT khởi kiện yêu cầu ly hôn bà NTBN, cư trú tại 214/52B Vạn Kiếp, Phường 3, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Xét nguyên đơn ông LTT có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt đề ngày 13/06/2022 thể hiện vẫn giữ yêu cầu khởi kiện ly hôn bà NTBN, giao con chung cho bà NTBN nuôi dưỡng và ông LTT cấp dưỡng hàng tháng là 2.000.000 đồng, không yêu cầu giải quyết tài sản chung nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn ông LTT.

Bị đơn bà NTBN đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa. Xét thấy bà NTBN vắng mặt tại phiên tòa được Tòa án triệu tập lần thứ hai mà không có lý do và cũng không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà NTBN.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 64 quyển số I/2008 ngày 18 tháng 04 năm 2008 của Ủy ban nhân dân phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của bà NTBN và ông LTT là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giải thích, hòa giải, động viên ông LTT đoàn tụ gia đình để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng ông LTT vẫn giữ nguyên yêu cầu vì vợ chồng ông không thể tự hòa giải hàn gắn được với nhau. Đối với bị đơn bà NTBN, Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận,

công khai chứng cứ và hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng cũng như để bà NTBN thực hiện quyền tranh tụng nhưng bà NTBN đã không tham gia, cũng không có bất kỳ ý kiến gì đối với khởi kiện của ông LTT mặc dù bà NTBN có lần là người trực tiếp ký nhận văn bản tố tụng được tống đạt. Điều này cho thấy bà NTBN đã bỏ mặc, không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa bà NTBN và ông LTT, không có ý định hòa giải đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng cần thiết để bà NTBN thực hiện quyền tranh tụng cũng như thể hiện ý chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà NTBN đã không có bất kỳ ý kiến gì, cũng không có mặt theo triệu tập. Điều này xác định quan hệ hôn giữa bà NTBN và ông LTT đã tồn tại mâu thuẫn, vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn hạnh phúc, quan hệ hôn nhân không đạt được mục đích theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình nên không thể kéo dài. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của ông LTT về việc ly hôn bà NTBN là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về con chung:

Theo trình bày của nguyên đơn ông LTT tại các buổi làm việc trong quá trình giải quyết vụ án, ông LTT và bà NTBN có một con chung tên LNBN, sinh ngày 25/10/2008. Ông LTT yêu cầu giao con chung cho bà NTBN nuôi dưỡng vì hiện trẻ LNBN đang sống cùng mẹ. Theo Biên bản làm việc ngày 16/11/2021, trẻ LNBN cho biết đang sống cùng mẹ tại địa chỉ Vạn Kiếp, Phường 3, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh và thể hiện nguyện vọng sống cùng mẹ trong trường hợp ba mẹ ly hôn. Bởi lẽ đó, căn cứ các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, tình hình thực tế và quyền lợi về mọi mặt cũng như nguyện vọng của trẻ LNBN, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của ông LTT về giao trẻ LNBN cho bà NTBN trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 13/06/2022, ông LTT đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng từ ngày 01 đến ngày 10 là 2.000.000 đồng, hai bên tự giao nhận tiền cấp dưỡng. Căn cứ Điều 110, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của ông LTT có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về tài sản chung:

Không có đương sự nào yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung của ông LTT và bà NTBN nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn ông LTT phải chịu án phí sơ thẩm giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) và án phí giải quyết về cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 63, Điều 147, Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13 ngày 19 tháng 06 năm 2014;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ông LTT được ly hôn bà NTBN

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung tên LNBN, sinh ngày 25/10/2008 cho bà NTBN trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Ông LTT có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng từ ngày 01 đến ngày 10 là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án. Hai bên tự giao nhận tiền cấp dưỡng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa trả đủ số tiền phải thi hành án thì người phải thi hành án còn phải trả tiền lãi theo mức

lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thực hiện quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 86 Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chưa thành niên của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, một hoặc các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có đương sự nào yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm:

4.1. Án phí sơ thẩm giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) ông LTT phải chịu, được cấn trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0088482 ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Ông LTT đã nộp đủ án phí giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

4.2. Án phí sơ thẩm giải quyết về cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) ông LTT phải chịu.

5. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Vũ Thị Thúy Vân